

Bản án số: 786/2024/HC-PT
Ngày 25 tháng 7 năm 2024.
V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 865/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính.”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 950/2023/HC-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 954/2024/QĐPT-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số D N, Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số D N, Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số C T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà Lê Thị Kim T2 – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Đoàn Thái T3 – Phó Trưởng Phòng – Phòng Nghiệp vụ thực hiện án số 01. (có mặt)

- Ông Nguyễn Trần Thanh P – Tổ trưởng – Phòng Nghiệp vụ thực hiện án số 01. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo và kháng nghị: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân huyện B, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Nguồn gốc đất: mẹ bà T là bà Nguyễn Thị Thùy N đã trực tiếp canh tác đất từ trước năm 1975 và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A424706 ngày 25/01/1995. Năm 2011 mẹ bà T đã cho bà T phần đất có diện tích 186m² và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01920 ngày 27/12/2011, đến năm 2016 bà T xây nhà và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS005538 ngày 07/07/2016.

Ngày 16/11/2018 bà T nhận được bản vẽ số 09-442/HĐĐV-PVH về mở rộng nâng cấp đường N, thể hiện diện tích bị thu hồi là 36,7m², gồm: đường là 10,5m², diện tích sẽ được bồi thường là 26,2m². Trên bản vẽ này không có ranh mở đường năm 1998 bà T đã đồng ý, ký tên và được chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ký tên đóng dấu ngày 19/03/2019.

Sau đó bà T lại nhận được bản vẽ cũng số 09-442/HĐĐV-PVH về mở rộng nâng cấp đường N, diện tích thu hồi là 36,7m², gồm đường là 10,5m², nhưng diện tích sẽ được bồi thường chỉ còn là 17,6m². Trên bản vẽ này 8,6m² nằm trong ranh mở đường năm 1998, bà T không đồng ý và không ký tên bản vẽ vì năm 2011 bà T được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01920 ngày 27/12/2011 không có thể hiện ranh 1998, đến năm 2016 bà T xây nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07/07/2016 cũng không có thể hiện ranh 1998. Phần đất 8,6m² này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T.

Ngày 30/11/2021 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7940/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 8464/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Thu hồi của bà T là 36,7 m² đất nhưng chỉ bồi thường cho bà T 17,6m² với đơn giá là 4.301.040/m² và không bồi thường cho bà T 8,6 m². Theo nội dung trong Quyết định số 7940/QĐ-UBND ghi: “Phần diện tích 19,1/36,7 m² thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường hương lộ D B (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo quyết định số 642/QĐ-UB-KtT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D huyện B”, trên thực tế năm 1998 mẹ bà T không được nhận bồi thường gì trên phần đất 8,6m² này, mà chỉ nhận được tiền bồi thường cây trồng (855.000 đồng) và phần đất đường đi vào nhà mẹ bà T (6m² x 30.000= 180.000 đồng). Đồng thời 17,6m² đất của bà T hiện nằm trong khu dân cư hiện hữu theo thông tin từ Ủy ban nhân dân huyện B, nhưng bà T không được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trong khu dân cư theo quy định.

Không đồng ý với hai Quyết định trên bà T đã gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 28/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3891/QĐ-UBND. Trong quyết định này phần xác minh và kết luận đã có nhiều điểm sai, không đúng như sau:

Phần kết luận (trang 6) có ghi: Căn cứ khoản 1, phần I, Chương III chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30/11/1021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N, quy định: “Đối với phần diện tích đất trong Dự án nâng cấp mở rộng đường Hương lộ D, huyện B (nay là Nguyễn Cửu P1) đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B thì không thực hiện bồi thường về đất theo quy định của chính sách này”.

Kết luận của quyết định đã hoàn thành công tác bồi thường là hoàn toàn sai, vì mẹ bà T chỉ nhận số tiền là 1.035.000 đồng theo danh sách thanh toán kinh phí đền bù, công trình đền bù giải tỏa Hương lộ D, xã T, huyện B của Ban Quản lý Dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện B lập ngày 05 tháng 9 năm 1997 (Trong Quyết định trang 3 ghi sai là ngày 30 tháng 6 năm 1997). Số tiền 1.035.000 đồng bao gồm: bồi thường cây trồng (855.000 đồng) và đất đường đi vào nhà mẹ bà T (6m² x 30.000= 180.000 đồng), tiền bồi thường đất này hoàn toàn không nằm trong phần đất mẹ bà T cho bà T nên không thể nói là đã hoàn thành công tác bồi thường.

Phần kết luận (trang 7) có ghi: “Căn cứ kết quả xác minh tại Phần II quyết định này và pháp lý nêu trên thì phần diện tích 19,1m² gồm 8,6 m², loại đất trồng

cây lâu năm, thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, Bộ địa chính xã T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 7/7/2016 cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy T (sau thời điểm thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H) và 10,5m² đường, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005 nằm trong ranh Dự án nâng cấp, mở rộng đường H năm 1998 và tại thời điểm thực hiện Dự án 1998, loại đất theo tài liệu chỉnh lý 1992 là 2L là không được bồi thường theo chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm tại thông báo 84/TB-UB ngày 25/2/1997 của Ủy ban nhân dân huyện. Do đó, phần diện tích 19,1m² nằm trong ranh Dự án 1998 không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 1, Phần I, chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30/11/2021”.

Phần kết luận này không đúng vì năm 1998 Ủy ban nhân dân huyện B đã mở đường và trải nhựa đến hết ranh cắm mốc, phần đất 8,6m² (nằm trong tổng diện tích cho bà T là 186m²) mẹ bà T trồng cây và sử dụng đến năm 2011 bà T cũng tiếp tục trồng cây và làm sân. Mẹ bà T hoàn toàn không ký giấy tờ gì hay biên bản hiến đất và Ủy ban nhân dân huyện B cũng không cắm mốc ranh 1998 đến đâu. Đồng thời Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01920 ngày 27/12/2011 cho bà T không có thể hiện ranh 1998, đến năm 2016 bà T xây nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07/07/2016 cũng không có thể hiện ranh 1998. Ngoài ra ngày 16/11/2018 bà T nhận được bản vẽ số 09-442/HĐĐV-PVH về mở rộng nâng cấp đường N, thể hiện diện tích bị thu hồi là 36,7m², đường là 10,5m², diện tích được sẽ bồi thường là 26,2 m² (bao gồm 8,6m²). Trên bản vẽ này không có ranh mở đường năm 1998 bà T đã đồng ý và ký tên. Sau đó được chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ký tên đóng dấu ngày 19/03/2019.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07/07/2016 của bà T là: Diện tích: 186m², Mục đích sử dụng: đất ở đô thị 117,3m², đất trồng cây lâu năm 68,7m², Ghi chú: Phần đất (diện tích 68,7m²) nằm trong lộ giới đường N được công nhận quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Do đó, diện tích 8,6m² dù nằm trong lộ giới dự kiến đường N nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T được công nhận quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm nên khi nhà nước thu hồi đến đâu thì bà T phải được bồi thường đến đó.

Qua những minh chứng và các giấy tờ hợp lệ của bà T thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã không xác minh, xem xét đúng nguồn gốc đất, giấy chứng QSDĐ của bà T mà ban hành Quyết định 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 không bồi thường 8,6m² đất cho bà T là không đúng.

Ngày 31/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung số 8887/QĐ-UBND bồi

thường, hỗ trợ thêm cho bà T 8.6m² đất với 80% đơn giá 240.000 đồng là 192.000đồng/m². Theo nội dung quyết định này ghi là: “Căn cứ Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về bổ sung chính sách hỗ trợ 80% đất nông nghiệp công bố hàng năm đối với các trường hợp sử dụng sau ngày 01 tháng 7 năm 2004, trên bản đồ địa chính có thể hiện số thửa, số tờ bản đồ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong ranh hương lộ 4 ...”

Ủy ban nhân dân huyện B đã không xác định chính xác nguồn gốc đất của bà T để ban hành quyết định bồi thường bổ sung với đơn giá hợp lý, vì thực tế mẹ bà T trực sử dụng phần đất thu hồi này từ trước năm 1975 đến năm 2011, bà T lại trực tiếp sử dụng từ 2011 đến nay, vì vậy Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bổ sung cho bà T hoàn toàn là không đúng, bà T không đồng ý với đơn giá mà Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường bổ sung cho bà T số tiền 192.000 đồng/m² là quá thấp so với hiện nay (hiện tại giá đất khoảng 35 triệu/m²).

Với những giải trình nêu trên, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất; Hủy Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Bà Nguyễn Thị Thùy T; Hủy Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại; Hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với Bà Nguyễn Thị Thùy T.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường, cụ thể: Bồi thường 8,6m² và 17,6m², tổng cộng là 26,2m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư (xen kẽ khu dân cư) với đơn giá 5.438.000 đồng/m².

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

1/ Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7940/QĐ-UBND về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị Thùy T sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

Phần đất do bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án Nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, có diện tích 36,7m², thuộc một phần thửa số 659, đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), tương ứng với một phần thửa số 2502, tờ bản đồ số 03 (theo tài liệu chỉnh lý năm 1992) Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản của bà Nguyễn Thị Thùy T ngày 07 tháng 01 năm 2018 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 22 tháng 11 năm

2021, như sau: Nguồn gốc, tình trạng pháp lý: được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy T.

Trong đó:

Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 36,7 m². Gồm thửa: một phần thửa đất số 2502, tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng với một phần thửa số 659 và đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí đất do công ty TNHH Đ đo vẽ, diện tích trong ranh mở rộng đường N là:

- Diện tích bị ảnh hưởng: 17,6 m².
- Diện tích trong ranh mở rộng đường N năm 1998 là: 8,6m².
- Diện tích rạch, đường là: 10,5 m².

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 7940/QĐ-UBND về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị Thùy T sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B. Tổng diện tích thu hồi 36,7 m². Gồm thửa: một phần thửa đất số 2502, tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng với một phần thửa số 659 và đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), Bộ địa chính xã T, huyện B. Trong đó, có 19,1/36,7m² thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H (nay là đường N), đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 là đúng quy định.

2/ Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8464/QĐ-UBND và Phương án bồi thường, hỗ trợ số 247/PA-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021.

+ Nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất.

Phần đất do bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án Nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, có diện tích 36,7m². Gồm: một phần thửa đất số 2502, tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng với một phần thửa số 659 và đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản của bà Nguyễn Thị Thùy T ngày 07 tháng 01 năm 2018 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 22 tháng 11 năm 2021, như sau: Nguồn gốc, tình trạng pháp lý: được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy T.

Trong đó:

Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 36,7 m². Gồm: một phần thửa đất số 2502, tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng với một phần thửa số 659 và đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), Bộ địa chính xã T, huyện B.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí đất do công ty TNHH Đ đo vẽ, diện tích trong ranh mở rộng đường N là:

- Diện tích bị ảnh hưởng: 17,6 m².
- Diện tích trong ranh mở rộng đường N năm 1998 là: 8,6m².
- Diện tích rạch, đường là: 10,5 m².

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy T, một phần thửa đất số 2502, tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng với một phần thửa số 659 và đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005) loại đất trồng cây lâu năm.

+ Tính bồi thường, hỗ trợ về đất

Căn cứ Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P đường N, xã T và xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân Thành phố H phê duyệt kèm Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2013, vị trí phần đất bị thu hồi do bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng thuộc chức năng quy hoạch đất làm đường giao thông (nằm trong lộ giới đường N 40m).

Căn cứ Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã T, huyện B được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt kèm Quyết định số 6544/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2013, vị trí phần đất bị thu hồi do bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng thuộc chức năng quy hoạch đất làm đường giao thông (nằm trong lộ giới đường N 40m).

Căn cứ khoản 1, Phần II, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N, đất nông nghiệp: “*Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 1: đơn giá 240.000 đồng/m² x hệ số điều chỉnh được duyệt 17,921*”, cụ thể:

- Đất trồng cây lâu năm vị trí 1, thuộc một phần thửa số một phần thửa 659 và đường tờ bản đồ số 69 (tài liệu đo năm 2005). Diện tích 17,6m² x đơn giá 240.000 x 17,921 = 75.698.304 đồng.

- Một phần thửa 659, đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), thuộc Bộ địa chính xã T, diện tích: 19,1m², phần đất này nằm trong ranh dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B năm 1998 và đất nhà nước quản lý không bồi thường, hỗ trợ.

Do đó, đối với phần đất diện tích 36,7m² của bà Nguyễn Thị Thùy Tảnh hưởng trong Dự án nâng cấp và mở rộng đường N thuộc một phần thửa đất số 2502, tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng với một

phần thửa số 659 và đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), Bộ địa chính xã T, huyện B; Ủy ban nhân dân huyện B tính bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 1, theo Khoản 1, Phần II, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021, với đơn giá: với đơn giá: 240.000 đồng/m² x hệ số điều chỉnh được duyệt 17,921 là đúng quy định.

+ Tính bồi thường tài sản gắn liền với đất:

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản của bà Nguyễn Thị Thùy T ngày 07 tháng 01 năm 2018 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 22 tháng 11 năm 2021; về vật kiến trúc thời điểm xây dựng năm 2017.

Căn cứ Điểm d, khoản 2, Phần 4, Chương IV Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N, quy định: *“Trường hợp xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 trở về sau: không được bồi thường, không được hỗ trợ”*. Do đó, Ủy ban nhân dân Huyện không tính bồi thường đối với phần vật kiến trúc cho bà Nguyễn Thị Thùy T là đúng quy định tại khoản 2, Phần 4, Chương IV Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 là đúng quy định.

3/ Đối với Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy T, địa chỉ: DNguyễn Cửu P1, ấp D xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh(lần đầu).

Căn cứ Đơn khiếu nại ngày 28 tháng 3 năm 2022 của bà Nguyễn Thị Thùy T, cư trú: D16/11 Nguyễn Cửu P1, ấp D, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, khiếu nại Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân B nội dung: *“Yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án diện tích 36,7m² theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 1, nằm trong khu dân cư với đơn giá 5.438.000 (trong đó, phần diện tích đất 19,1m², mẹ tôi bà Nguyễn Thị Thùy N chỉ nhận tiền bồi thường về hoa màu 1.035.000 đồng, không nhận bồi thường về đất trong dự án Hương lộ D năm 1998)”*.

Sau khi tiến hành thẩm tra, xác minh kết quả như sau:

Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đ lập ngày 12 tháng 8 năm 2019 (SBV:09-442/HĐĐV-VPH), được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 22 tháng 11 năm 2019, thể hiện phần đất trong ranh dự án có diện tích 36,7m² thuộc một phần thửa số 2502, tờ bản đồ số 03, tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng 26,2m², thuộc một phần thửa 659 và 10,5m² đường, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, Bộ địa chính xã T. Trong đó, có 19,1/36,7m² (có 10,5m²/19,1 là đường, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005) nằm trong ranh Dự án nâng cấp, mở rộng đường H (nay là đường N) theo Quyết định số

642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố và 17,6/36,7m² thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, Bộ địa chính xã T nằm trong ranh Dự án nâng cấp, mở rộng đường N, trên địa bàn huyện B. Vị trí 1, đường N. Hiện trạng sân xi măng, hàng rào. Toàn bộ phần đất bị thu hồi nằm trong lộ giới đường N đã được công bố theo Quyết định số 6982/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Sở T5 Thành phố cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy T, trong đó, công nhận thửa đất số 659, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, công nhận đất ở: diện tích 117,3m²; đất trồng cây lâu năm: diện tích 68,7m² (nằm trong phạm vi lộ giới); công nhận nhà ở: diện tích 91,5m².

Căn cứ xác nhận ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã T xác nhận nguồn gốc, pháp lý phần đất trong ranh dự án, cụ thể:

“- Về đất: đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Sở T5 cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy T.

- Theo Bản đồ hiện trạng: diện tích mảnh hưởng trong ranh dự án là 17,6m²; diện tích trong ranh mở rộng đường N năm 1998 là 8,6m² và đường là 10,5m² (do Nhà nước quản lý) ”.

Theo Danh sách thanh toán kinh phí đền bù đợt 1, công trình đền bù giải tỏa H, xã T, huyện B của Ban Quản lý Dự án Khu vực Đầu tư xây dựng huyện B lập ngày 30 tháng 6 năm 1997, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, tại số T: có tên bà Nguyễn Thị Thùy N, địa chỉ: D, đã được bồi thường diện tích 6m² đất và cây trồng với số tiền đền bù: 1.035.000 đồng, đã thanh toán 1.035.000 đồng, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thùy N (mẹ bà Nguyễn Thị Thùy T).

Căn cứ Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P đường N, xã T và xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân thành phố H phê duyệt kèm Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2013, vị trí phần đất bị thu hồi do bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng thuộc chức năng quy hoạch đất làm đường giao thông (nằm trong lộ giới đường N 40m).

Như vậy, phần đất của bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N có diện tích 36,7m² gồm:

- Phần đất có diện tích 19,1m², nằm trong ranh Dự án nâng cấp, mở rộng đường H, trong đó: 8,6m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, Bộ địa chính xã T, đã được Sở T5 Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy T (sau thời điểm thu hồi đất để thực

hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H) và 10,5m² đường, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005.

- Phần đất còn lại nằm ngoài ranh Dự án nâng cấp, mở rộng đường H có diện tích 13,7m², đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, Bộ địa chính xã T, đã được Sở T5 Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy T, vị trí A, đường N, thuộc quy hoạch đường giao thông theo Quyết định số 6982/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Căn cứ khoản 6, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *“Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”*.

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D.

Căn cứ Thông báo số 84/TB-UB ngày 25 tháng 2 năm 1997 của Ủy ban nhân dân huyện B về triển khai công tác điều tra áp giá, giải phóng mặt bằng nâng cấp Hương lộ 4, với nội dung: *“Giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, T tổ chức họp dân từng khu vực dọc theo Hương lộ D, để công bố Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 2 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố, giải thích và vận động nhân dân với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhà nước chỉ giải quyết bồi hoàn thiệt hại hoa màu vật kiến trúc trên đất có ảnh hưởng trực tiếp đến công trình, nhân dân đóng góp về đất đai. Đồng thời, phối hợp với Ban Quản lý Dự án tổ chức điều tra hiện trạng, áp giá đền bù thiệt hại hoa màu vật kiến trúc trên đất cho nhân dân, để giải phóng mặt bằng phục vụ thi công đúng quy định”*.

Căn cứ Quyết định số 6982/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) các tuyến đường thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có quy định đường Nguyễn Cửu P1 là 40m.

Căn cứ Công văn số 2954/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 của T6 về xác định giá đất nông nghiệp trong khu dân cư, trong địa giới hành chính. Theo đó, T6 có ý kiến như sau:

“Tại khoản 1, Điều 10 Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ T7 quy định:

Điều 10. Chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ theo khu vực tổng hợp

1. Đất khu dân cư nông thôn: Kiểm kê các loại đất thuộc khu vực được xác định sử dụng chủ yếu để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình công cộng phục vụ đời sống, sinh hoạt của người dân; đất vườn, ao gắn liền với nhà ở và các loại đất khác thuộc phạm vi ranh giới khu dân cư nông thôn trong địa giới hành chính các xã, trừ khu đô thị mới trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

Ranh giới của khu dân cư nông thôn được xác định theo quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng khu dân cư nông thôn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, các điểm dân cư tương tự hiện có.

Đối với trường hợp dân cư sinh sống dọc theo kênh, mương, đường giao thông hoặc dân cư sinh sống riêng lẻ nơi chưa có quy hoạch hoặc nằm ngoài phạm vi quy hoạch khu dân cư nông thôn được duyệt thì chỉ thống kê diện tích thửa đất có nhà ở và vườn, ao gắn liền với nhà ở; trường hợp không xác định được phạm vi ranh giới phần đất ở và vườn, ao gắn liền thì chỉ thống kê diện tích đất ở đã được công nhận, trường hợp thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất thì diện tích đất ở được xác định tạm thời bằng hạn mức giao đất ở mới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”.

Căn cứ khoản 1, Phần I, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N, quy định: “Đối với phần diện tích đất trong Dự án nâng cấp mở rộng đường H, huyện B (nay là đường N) đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B thì không thực hiện bồi thường về đất theo quy định của Chính sách này”.

Căn cứ khoản 2, Phần II, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Bồi thường Dự án nâng cấp mở rộng đường N, quy định đơn giá đất nông nghiệp: “Đất nông nghiệp trồng lâu năm vị trí 1: đơn giá 4.301.040 đồng/m² (240.000 đồng/m² x 17,921)”.

Căn cứ kết quả xác minh và pháp lý nêu trên thì phần diện tích 19,1m², gồm: 8,6m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, Bộ địa chính xã T, đã được Sở T5 Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS005538 ngày 07 tháng 7 năm 2016 cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy T (sau thời điểm thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H) và 10,5m² đường, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005 nằm trong ranh Dự án nâng cấp, mở rộng đường H năm 1998 và tại thời điểm thực hiện Dự án năm 1998, loại đất theo tài liệu chính lý năm 1992 là

2L là không được bồi thường theo chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm tại Thông báo số 84/TB-UB ngày 25 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân huyện B. Do đó, phần diện tích nêu trên nằm trong ranh Dự án năm 1998 không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 1, Phần I, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Phần diện tích 17,6m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ số 69, tài liệu BĐĐC năm 2005, Bộ địa chính xã T, bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp, mở rộng đường N, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thúy T4, vị trí 1, nằm trong lộ giới đường N, không thuộc quy hoạch dân cư. Do đó, Ủy ban nhân dân Huyện tính bồi thường 17,6m² theo loại đất trồng cây lâu năm (*đất nông nghiệp thuần*) với đơn giá 4.301.040 đồng/m² (240.000 đồng/m² x 17,921) cho bà Nguyễn Thị Thùy T là đúng quy định tại khoản 2, Phần II, Chương III Chính sách số 631/CSBT-HĐBT.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Thùy T khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ phần đất bị ảnh hưởng trong Dự án diện tích 36,7m² theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vị trí 1, nằm trong khu dân cư với đơn giá 5.438.000 (trong đó, phần diện tích đất 19,1m², mẹ bà Nguyễn Thị Thùy N chỉ nhận tiền bồi thường về hoa màu 1.035.000 đồng, không nhận bồi thường về đất trong dự án Hương lộ D năm 1998) là sai.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà T là đúng quy định.

4/ Đối với Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung; đề nghị bồi thường bổ sung 8,6m² và 17,6m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư với đơn giá 5.438.000 đồng/m².

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất số 7940/QĐ-UBND về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị Thùy T sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn Huyện B. Tổng diện tích thu hồi 36,7 m². Gồm thửa: một phần thửa đất số 2502, tờ bản đồ số 03 theo tài liệu chỉnh lý năm 1992, tương ứng với một phần thửa số 659 và đường tờ bản đồ số 69 (theo tài liệu đo năm 2005), Bộ địa chính xã T, huyện B. Trong đó, có 19,1/36,7m² thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường H (nay là đường N), đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D.

Căn cứ Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P đường N, xã T và xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân thành phố

H phê duyệt kèm Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2013, vị trí phần đất bị thu hồi do bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng thuộc chức năng quy hoạch đất làm đường giao thông (nằm trong lộ giới đường N 40m).

Xét phần diện tích trong ranh mở rộng đường N năm 1998 là 8,6m² hiện trạng thực tế do bà Nguyễn Thị Thùy T đang sử dụng có nguồn gốc là đất lấn chiếm đường, thời điểm sử dụng là trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ – UBND ngày 09 tháng 08 năm 2018 của ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; quy định “...Nếu sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: Hỗ trợ bằng 80% giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố Q: diện tích đất để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 30.000m²/hộ; phần diện tích đất còn lại (nếu có) không tính hỗ trợ.”.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung là đúng quy định. Việc đề nghị bồi thường bổ sung 8,6m² và 17,6m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư với đơn giá 5.438.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 950/2023/HC-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào,

Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T.

1.1 Hủy một phần Quyết định 7940/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị Thùy T sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, về đoạn nội dung tại Điều 1 của quyết định: “Phần diện tích 19,1/36,7m² thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường H, huyện B (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04

tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D huyện B”.

1.2 *Hủy Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm Phương án bồi thường hỗ trợ số 247/PA-HĐBT ngày 30/11/2021) đối với bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.*

1.3 *Hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (Kèm Phương án hỗ trợ bổ sung số 1065/PA-HĐBT ngày 18/8/2022) đối với bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.*

1.4 *Hủy Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.*

Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định pháp luật, ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2023, Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân huyện B có đơn kháng cáo.

Ngày 28/6/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện và bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Đoàn Thái T3 trình bày: Việc ban hành các quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B là đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Theo danh sách hỗ trợ đền bù thể hiện bà N mẹ bà T đã ký nhận số tiền hỗ trợ. Thời điểm đó xác định đất của bà N không nằm trong diện được bồi thường. Năm 2022 Ủy ban nhân dân huyện B đã có bồi thường bổ sung đối với phần diện tích này cho bà T. Về giá bồi thường là đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm xác định chưa đủ cơ sở, áp dụng chưa đúng quy định, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, kháng nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T khởi kiện các quyết định: Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Bà Nguyễn Thị Thùy T; Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại; Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất và Quyết định bồi thường bổ sung số 8887/QĐ-UBND ngày 31/8/2022.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định bị kiện đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Xét Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 (Kèm Phương án bồi thường hỗ trợ số 247/PA-HĐBT ngày 30/11/2021):

Đối với diện tích $17,6m^2$ và diện tích $8,6m^2$: Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 09- 442 lập ngày 12/11/2018 thể hiện, phần diện tích này đều thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ 69 (Tài liệu 2005) được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 005538 ngày 07/7/2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy T là loại đất trồng cây lâu năm (CLN), cùng thửa đất với nhà ở của bà T.

Căn cứ Quyết định 02/2020 ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì phần diện tích $17,6m^2 + 8,6m^2 = 26,2m^2$ thuộc phần thửa 659, tờ bản đồ 69 (TL 2005) là đất tiếp giáp lề đường (vị trí 1) quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3 (khu vực II) quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 3, đất cùng thửa với nhà ở của bà T thì được xác định là đất xen kẽ khu dân cư theo quy định tại Điều 43 Nghị định 84/2007NĐ-CP ngày 25/5/2007. Do đó, khi nhà nước thu hồi phần diện tích này thì phải căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 và điểm e khoản 2 Điều 3 Quyết định 02/2020 ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H để lập phương án bồi thường cho bà T thì mới đúng.

Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng phần diện tích $8,6m^2$ đã được bồi thường, hỗ trợ cho dự án mở rộng Hương lộ D (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo quyết định 642/QĐ-UB-KT ngày 04/02/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc duyệt dự án nâng cấp mở rộng hương lộ D huyện B, nhưng không có tài liệu chứng minh cho việc bồi thường phần đất này cho gia đình bà T. Theo Bảng dự toán chi phí bồi hoàn cho mẹ bà T là bà Nguyễn ThịThúy N1 vào năm 1997 thể hiện đền bà $6m^2$ đất vườn giá bằng 180.000đ và 855.000đ tiền bồi thường cây trồng. Không có nội dung nào thể hiện Nhà nước đã bồi thường cho bà T $8,6m^2$ đất này. Vào năm 2016 bà T được cấp quyền sử dụng phần đất $8,6m^2$ nêu trên theo Giấy chứng nhận số CS 005538 ngày 07/7/2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy T là loại đất trồng cây lâu năm (CLN), cùng thửa đất với nhà ở của bà T. Do đó việc Ủy ban nhân dân huyện B

không bồi thường cho bà T phần diện tích 8,6m² nêu trên là không đúng quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

[2.4] Xét nội dung Quyết định số 7940/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất:

Đất của bà Nguyễn Thị Thùy T nằm trong dự án mở rộng đường N, tổng diện tích 36,7m² là đúng. Tuy nhiên, tại một phần nội dung của Điều 1 của Quyết định 7940, có ghi: *“phần diện tích 19,1/36,7m² đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định 642/QĐ-UB-KT ngày 04/02/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc duyệt dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D, huyện B”* là không chính xác vì diện tích đất này bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 và không có chứng cứ nào chứng minh cho việc phần đất 19,1m² này đã được Nhà nước bồi thường cho bà T đúng quy định của pháp luật. Từ quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 8464 ngày 30/11/2021 phê duyệt mức bồi thường cho bà T là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm hủy phần nội dung này của Quyết định 7940 và Quyết định 8464 là có cơ sở.

[2.5] Xét Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về giải quyết khiếu nại.

Do xác định Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường không đúng diện tích và loại đất cho bà Nguyễn Thị Thùy T như nhận định nêu trên, nên Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 không chấp nhận khiếu nại của bà T cũng không đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, hủy Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[2.6] Xét nội dung Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 (Kèm Phương án hỗ trợ bổ sung số 1065/PA-HĐBT ngày 18/8/2022):

Như đã phân tích nêu trên, phần đất 8,6m² thuộc một phần thửa 659, tờ bản đồ 69 (Tài liệu 2005) được cấp theo Giấy chứng nhận số CS 005538 ngày 07/7/2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy T là loại đất trồng cây lâu năm (CLN), cùng thửa đất với nhà ở của bà T nên có cơ sở xác định phần diện tích này là đất xen kẽ khu dân cư, trong trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện chính sách bồi thường theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Quyết định 8887/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 có nội dung chỉ hỗ trợ theo loại đất nông

nghiệp trồng cây lâu năm là không đúng quy định pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy quyết định này là có căn cứ.

[2.7] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung tại mục 1.4 phần Quyết định của bản án sơ thẩm:

Tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử đối với vụ án hành chính: “*Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có); buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật; đồng thời kiến nghị cách thức xử lý đối với quyết định hành chính trái pháp luật đã bị hủy*”. Tuy nhiên tại mục 1.4 của Bản án sơ thẩm lại tuyên “*Hủy Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh*”.

Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định pháp luật, ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh *bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B theo đúng quy định pháp luật*” là chưa phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên về nội dung này của bản án sơ thẩm. Việc điều chỉnh cách tuyên này không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T.

3.1. Hủy một phần Quyết định 7940/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất do bà Nguyễn Thị Thùy T sử dụng tại xã T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, về đoạn nội dung tại Điều 1 của quyết định: “Phần diện tích 19,1/36,7m² thuộc ranh đã thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng đường H, huyện B (nay là đường N) và đã hoàn thành công tác bồi thường theo Quyết định số 642/QĐ-UB-KT ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc duyệt Dự án nâng cấp mở rộng Hương lộ D huyện B”.

3.2. Hủy Quyết định số 8464/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm Phương án bồi thường hỗ trợ số 247/PA-HĐBT ngày 30/11/2021) đối với bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

3.3. Hủy Quyết định số 8887/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung (Kèm Phương án hỗ trợ bổ sung số 1065/PA-HĐBT ngày 18/8/2022) đối với bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B.

3.4. Hủy Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định pháp luật đối với việc bồi thường hỗ trợ và các chính sách khác khi thu hồi diện tích đất 26,2m² (8,6m² + 17,6m²) của bà Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ thường trú: D16/11 ấp D, xã T,

huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp mở rộng đường N trên địa bàn huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0003267 ngày 21/10/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002439 ngày 05/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002440 ngày 05/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP.Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Huỳnh